

CÔNG TY CỔ PHẦN HỆ THỐNG THÔNG TIN FPT

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN HỆ THỐNG THÔNG TIN FPT

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2009**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	3 - 4
BẢNG CẢN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 21



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hệ thống thông tin FPT (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Cao Bảo	Chủ tịch (từ ngày 27 tháng 8 năm 2009)
Ông Trương Gia Bình	Thành viên (từ ngày 27 tháng 8 năm 2009)
Ông Bùi Quang Ngọc	Thành viên (từ ngày 27 tháng 8 năm 2009)
Ông Nguyễn Điệp Tùng	Thành viên (từ ngày 27 tháng 8 năm 2009)
Ông Dương Dũng Triều	Thành viên (từ ngày 27 tháng 8 năm 2009)

Ban Giám đốc

Ông Đỗ Cao Bảo	Tổng Giám đốc (từ ngày 27 tháng 8 năm 2009)
Ông Dương Dũng Triều	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 27 tháng 8 năm 2009)
Ông Nguyễn Lâm Phương	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 27 tháng 8 năm 2009)
Ông Nguyễn Tuấn Hùng	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 27 tháng 8 năm 2009)
Ông Phùng Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 16 tháng 12 năm 2009)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc 



Đỗ Cao Bảo
Tổng Giám đốc

Ngày 02 tháng 3 năm 2010

3307
NG
HIỆM T
LOIT
T N
A - 1

Số: 74 /Deloitte- AUDHN-RE

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Hệ thống thông tin FPT

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Hệ thống thông tin FPT (gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, công ty này đã phát hành báo cáo kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn phần vào ngày 30 tháng 6 năm 2009.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2 của Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty quyết định lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009. Nếu áp dụng theo Luật kế toán thì báo cáo tài chính của Công ty cần được lập cho hai giai đoạn: giai đoạn trước khi chuyển đổi từ công ty TNHH thành công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 8 năm 2009 và giai đoạn đã chuyển đổi thành công ty cổ phần từ ngày 1 tháng 9 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính hợp nhất đến vấn đề sau: Như đã trình bày tại Thuyết minh số 1 của Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 13 tháng 8 năm 2009. Ngày 27 tháng 8 năm 2009 Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông lần đầu để thông qua Điều lệ, danh sách Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát. Ngày 01 tháng 9 năm 2009 Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT chính thức bàn giao tài sản, công nợ và nguồn vốn cho Công ty và Công ty chính thức bắt đầu hoạt động kể ngày 01 tháng 9 năm 2009.



Trần Thị Thủy Ngọc
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0031/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 02 tháng 3 năm 2010
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Huy Công
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0891/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu B 01-DN/HN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh		
			31/12/2009	31/12/2008
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		1.541.979.277.017	1.223.125.569.151
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	571.924.634.457	80.282.304.897
1. Tiền	111		279.827.056.505	80.282.304.897
2. Các khoản tương đương tiền	112		292.097.577.952	-
II. Các khoản phải thu	130		766.583.920.480	738.203.243.995
1. Phải thu của khách hàng	131		579.497.874.231	624.954.276.788
2. Trả trước cho người bán	132		64.804.714.776	18.014.772.785
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	23	7.827.021.804	2.084.179.215
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	6	93.492.909.795	82.476.000.779
5. Các khoản phải thu khác	135		22.007.790.056	14.438.791.048
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.046.390.182)	(3.764.776.620)
III. Hàng tồn kho	140	7	173.167.475.194	371.063.220.600
1. Hàng tồn kho	141		173.539.350.071	371.456.192.907
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(371.874.877)	(392.972.307)
IV. Tài sản lưu động khác	150		30.303.246.886	33.576.799.659
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		14.708.999.228	13.564.314.144
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		11.344.895.140	16.049.774.362
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		4.249.352.518	3.962.711.153
B. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (200=220+260)	200		51.695.455.910	52.105.454.129
I. Tài sản cố định	220		43.933.860.443	48.300.131.669
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	35.945.203.394	38.447.211.773
- Nguyên giá	222		82.733.186.011	81.444.288.932
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(46.787.982.617)	(42.997.077.159)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	7.988.657.049	9.799.984.632
- Nguyên giá	228		11.111.262.375	10.845.310.854
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.122.605.326)	(1.045.326.222)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	52.935.264
II. Tài sản dài hạn khác	260		7.761.595.467	3.805.322.460
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		6.048.783.390	3.574.904.974
2. Tài sản dài hạn khác	268		1.712.812.077	230.417.486
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.593.674.732.927	1.275.231.023.280

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009		31/12/2008	
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.134.439.973.087		1.020.291.161.368	
I. Nợ ngắn hạn	310		1.134.430.047.520		1.020.199.950.138	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	297.288.777.984		-	
2. Phải trả cho người bán	312		243.223.388.664		159.683.984.898	
3. Người mua trả tiền trước	313		176.902.216.734		281.638.701.256	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	40.444.992.038		10.367.307.360	
5. Phải trả người lao động	315		75.009.671.997		2.123.248.000	
6. Chi phí phải trả	316		48.022.926.862		87.126.065.273	
7. Phải trả nội bộ	317	23	215.451.869.512		466.725.180.518	
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		11.213.656.810		6.246.980.817	
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	13	2.447.536.420		1.370.427.795	
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-		993.254.305	
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		15.720.528.871		-	
12. Doanh thu chưa thực hiện	338		8.704.481.628		3.924.799.916	
II. Nợ dài hạn	330		9.925.567		91.211.230	
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		9.925.567		91.211.230	
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400= 410+430)	400		459.234.759.840		254.939.861.912	
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	456.484.759.840		252.189.861.912	
1. Vốn điều lệ	411		350.000.000.000		250.000.000.000	
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		7.860.264.436		-	
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		-		2.189.861.912	
4. Lợi nhuận chưa phân phối	420		98.624.495.404		-	
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		2.750.000.000		2.750.000.000	
1. Nguồn kinh phí sự nghiệp	432		2.750.000.000		2.750.000.000	
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.593.674.732.927		1.275.231.023.280	

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2009		31/12/2008	
Vấn nợ, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		48.271.191.549		89.071.890.804	



Ngày 02 tháng 3 năm 2010

Đỗ Sơn Giang
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 02-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm 2009	Năm 2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	3.000.859.529.343	2.773.054.638.351
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	15	6.225.330.049	3.642.348.299
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01 - 02)	10		2.994.634.199.294	2.769.412.290.052
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	16	2.302.362.016.172	2.192.975.461.600
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		692.272.183.122	576.436.828.452
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	25.474.334.026	16.065.752.572
7. Chi phí tài chính	22	18	41.869.345.359	63.236.610.430
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.781.200.392	20.324.874.834
8. Chi phí bán hàng	24		125.499.181.777	126.531.651.804
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		150.992.789.259	111.324.276.094
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		399.385.200.753	291.410.042.696
11. Thu nhập khác	31	19	22.182.215.549	32.225.979.790
12. Chi phí khác	32	20	6.775.854.031	2.956.448.900
13. Lợi nhuận từ hoạt động khác (40=31-32)	40		15.406.361.518	29.269.530.890
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		414.791.562.271	320.679.573.586
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	74.927.177.717	36.788.662.083
16. Lợi nhuận thuần sau thuế (60=50-51)	60		339.864.384.554	283.890.911.503
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	4.484	-



Đỗ Cao Bảo
Tổng Giám đốc

Ngày 02 tháng 3 năm 2010

Đỗ Sơn Giang
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu B 03-DN/HN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2009	Năm 2008
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	414.791.562.271	320.679.573.586
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	15.888.193.292	13.985.513.815
Các khoản dự phòng	03	(2.739.483.868)	14.074.271.429
Lãi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	2.508.909.922	(446.548.297)
Lãi/(lỗ) từ hoạt động đầu tư	05	(3.405.131.074)	1.546.963.275
Chi phí lãi vay	06	3.781.200.392	20.324.874.834
3. Lưu chuyển tiền thuần trước thay đổi vốn lưu động	08	430.825.250.935	370.164.648.642
(Tăng) các khoản phải thu	09	(172.102.687.969)	(96.827.755.750)
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	197.916.842.836	(138.214.010.585)
(Giảm) các khoản phải trả	11	(273.034.284.470)	(50.909.943.667)
(Tăng) chi phí trả trước và khác	12	(822.311.439)	(2.242.044.874)
Tiền lãi vay đã trả	13	(5.532.549.903)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.305.768.901)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(32.999.347.086)	(230.417.486)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	142.945.144.003	81.740.476.280
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(15.263.059.256)	(43.497.487.026)
2. Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.132.354.740	591.204.320
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.806.133.372	795.328.368
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(11.324.571.144)	(42.110.954.338)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	100.000.000.000	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	681.162.856.471	-
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(386.540.127.759)	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(34.595.013.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	360.027.715.712	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	491.648.288.571	39.629.521.942
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	80.282.304.897	40.652.782.955
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(5.959.011)	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	571.924.634.457	80.282.304.897



Ngày 02 tháng 3 năm 2010

Đỗ Sơn Giang
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hệ thống thông tin FPT ("Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT được chuyển đổi hình thức sở hữu theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần FPT ngày 30 tháng 7 năm 2009. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 13 tháng 8 năm 2009 và thay đổi lần 1 ngày 16 tháng 9 năm 2009.

Ngày 27 tháng 8 năm 2009, Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông lần đầu để thông qua Điều lệ, danh sách Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát. Ngày 01 tháng 9 năm 2009 Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT chính thức bàn giao tài sản, công nợ và nguồn vốn cho Công ty và Công ty chính thức bắt đầu hoạt động kể ngày 01 tháng 9 năm 2009.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty có 8 Công ty con và hai chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 2.032 người (31/12/2008: 1.769 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là:

- Nghiên cứu tư vấn, thiết kế, sản xuất, tích hợp, chuyển giao các hệ thống thông tin, công nghệ tin học và ứng dụng vào các công nghệ khác;
- Đào tạo, chuyển giao các hệ thống thông tin và ứng dụng vào các công nghệ khác (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Mua bán, cung cấp, cho thuê, triển khai, lắp đặt các thiết bị, sản phẩm và dịch vụ viễn thông và hệ thống viễn thông;
- Sản xuất, xây dựng, phát triển, cung cấp, triển khai các sản phẩm và dịch vụ phần mềm (bao gồm cả sản phẩm và dịch vụ phần mềm ERP);
- Tư vấn, cung cấp, dịch vụ cho thuê nguồn lực công nghệ thông tin trong nước (outsourcing) (trừ các hoạt động môi giới, xuất khẩu lao động và tuyển dụng cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động), trung tâm dữ liệu (data center), trung tâm hỗ trợ qua điện thoại (call center) (Trừ thông tin Nhà nước cấm) và các dịch vụ cho thuê các quy trình nghiệp vụ (BPO);
- Nghiên cứu, tư vấn, thiết kế, sản phẩm, tích hợp, cho thuê các trung tâm phục hồi dữ liệu sau thảm họa, các dịch vụ phục hồi dữ liệu (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Đào tạo, cho thuê các trung tâm phục hồi dữ liệu sau thảm họa, các dịch vụ phục hồi dữ liệu (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Cung cấp các nội dung và dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng điện thoại di động;
- Sản xuất, chế tạo, lắp ráp các thiết bị công nghệ thông tin;
- Dịch vụ thương mại điện tử;
- Đào tạo hệ thống thương mại điện tử và dịch vụ thương mại điện tử (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Mua bán, cung cấp, triển khai, lắp đặt các thiết bị, sản phẩm trong lĩnh vực điện tử, phát thanh và truyền hình (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Đào tạo nguồn nhân lực chuyên sâu cho công nghiệp phần mềm (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Ban Giám đốc Công ty quyết định lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 thay vì lập báo cáo tài chính cho hai giai đoạn: giai đoạn trước khi chuyển đổi từ công ty TNHH thành công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 8 năm 2009 và giai đoạn đã chuyển đổi thành công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 9 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 theo như quy định của Luật Kế toán. Do vậy, báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 9 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 8 năm 2009.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC VÀ HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư số 201/2009/TT-BTC quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Ban Giám đốc Công ty quyết định không áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng theo VAS 10 sẽ phản ánh hợp lý hơn tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này:

Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm tài chính. Số liệu thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các báo cáo tài chính của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Hệ thống Thông tin FPT và báo cáo tài chính của các Công ty con được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty con trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất.

Tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ một năm trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	2009 và 2008 (số năm)
Máy móc và thiết bị	5 - 25
Phương tiện vận tải	4 - 6
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Tài sản khác	3 - 5

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định vô hình và hao mòn**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế thể hiện giá trị các phần mềm vi tính. Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba đến năm năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang, được trình bày theo giá gốc, bao gồm các chi phí liên quan đến xây dựng và mua sắm mới máy móc thiết bị chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong của Công ty. Khi công trình xây dựng hoàn thành, giá trị chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp hàng hóa: Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày giao dịch. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các quy định thuế hiện hành, Công ty và các Công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế đối với hoạt động sản xuất và dịch vụ phần mềm trong vòng 12 năm, được miễn thuế TNDN trong vòng 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Thuế suất áp dụng cho các hoạt động khác là 25% lợi nhuận tính thuế đối với hàng hóa dịch vụ đã cung cấp.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận. Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại do các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập là không trọng yếu tại ngày 31/12/2009.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Tiền mặt	1.033.792.314	1.263.582.012
Tiền gửi ngân hàng	252.293.000.951	79.018.722.885
Tiền đang chuyển	26.500.263.240	-
Các khoản tương đương tiền	292.097.577.952	-
	<u>571.924.634.457</u>	<u>80.282.304.897</u>

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Chi phí hợp đồng xây dựng cộng lợi nhuận đã ghi nhận trừ các khoản lỗ đã ghi nhận lũy kế	949.454.610.679	390.539.860.931
Hóa đơn phát hành theo tiến độ và các khoản tạm ứng của khách hàng	(855.961.700.884)	(308.063.860.152)
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	<u>93.492.909.795</u>	<u>82.476.000.779</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN HỆ THỐNG THÔNG TIN FPT101 Láng Hạ, quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***7. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	46.178.858.020	816.862.785
Công cụ, dụng cụ	25.770.328	24.896.360
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	66.592.244.236	272.125.532.803
Hàng hóa	60.742.477.487	98.488.900.959
Cộng giá gốc hàng tồn kho	173.539.350.071	371.456.192.907
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(371.874.877)	(392.972.307)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	173.167.475.194	371.063.220.600

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2009	24.850.654.172	3.219.037.614	50.702.604.079	2.671.993.067	81.444.288.932
Mua trong năm	884.696.706	3.951.660.387	7.651.572.101	1.561.286	12.489.490.480
Tăng khác	-	-	420.731.294	-	420.731.294
Thanh lý, nhượng bán	(100.085.000)	(280.085.965)	(8.953.825.357)	(5.601.536)	(9.339.597.858)
Giảm khác	(60.356.346)	-	(2.214.409.463)	(6.961.028)	(2.281.726.837)
Phân loại lại	454.844.625	-	(454.844.625)	-	-
Tại ngày 31/12/2009	26.029.754.157	6.890.612.036	47.151.828.029	2.660.991.789	82.733.186.011
KHẤU HAO LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2009	1.183.364.484	2.034.751.457	38.274.527.013	1.504.434.205	42.997.077.159
Khấu hao trong năm	3.740.178.620	569.867.332	8.456.474.729	853.194.695	13.619.715.376
Tăng khác	-	-	304.611.427	-	304.611.427
Thanh lý, nhượng bán	(20.412.497)	(237.688.714)	(8.044.610.176)	(5.283.364)	(8.307.994.751)
Giảm khác	(39.376.665)	-	(1.781.999.034)	(4.050.895)	(1.825.426.594)
Phân loại lại	124.055.298	-	(124.055.298)	-	-
Tại ngày 31/12/2009	4.987.809.240	2.366.930.075	37.084.948.661	2.348.294.641	46.787.982.617
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2009	21.041.944.917	4.523.681.961	10.066.879.368	312.697.148	35.945.203.394
Tại ngày 31/12/2008	23.667.289.688	1.184.286.157	12.428.077.066	1.167.558.862	38.447.211.773

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 28.391 triệu VND (năm 2008: 21.935 triệu VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2009	10.845.310.854
Mua trong năm	477.778.486
Thanh lý	(211.826.965)
Tại ngày 31/12/2009	11.111.262.375
KHẤU HAO LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2009	1.045.326.222
Khấu hao trong năm	2.268.477.916
Thanh lý	(191.198.812)
Tại ngày 31/12/2009	3.122.605.326
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2009	7.988.657.049
Tại ngày 31/12/2008	9.799.984.632

10. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON

Tên công ty	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết	Hoạt động chính	Số tiền đầu tư tại	Số tiền đầu tư tại
					31/12/2009	31/12/2008
					VND	VND
Công ty TNHH Dịch vụ ERP FPT	Hà Nội	100%	100%	Tích hợp hệ thống, dịch vụ và giải pháp phần mềm	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH Hệ thống thông tin Ngân hàng Tài chính FPT	Hà Nội	100%	100%	Tích hợp hệ thống, dịch vụ và giải pháp phần mềm	100.000.000.000	75.000.000.000
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FSE FPT	Hà Nội	100%	100%	Tích hợp hệ thống, dịch vụ và giải pháp phần mềm	60.000.000.000	50.000.000.000
Công ty TNHH Phát triển Phần mềm FPT	TP HCM	100%	100%	Tích hợp hệ thống, dịch vụ và giải pháp phần mềm	6.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Hệ thống thông tin FPT	Hà Nội	100%	100%	Tích hợp hệ thống, dịch vụ và giải pháp phần mềm	16.000.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH Hệ thống thông tin Viễn thông và Dịch vụ Công FPT	Hà Nội	100%	100%	Tích hợp hệ thống, dịch vụ và giải pháp phần mềm	65.000.000.000	35.000.000.000
Công ty TNHH Giải pháp Tài chính Công FPT	Hà Nội	100%	100%	Tích hợp hệ thống, dịch vụ và giải pháp phần mềm	10.000.000.000	7.000.000.000
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT miền Nam (i)	TP HCM	100%	100%	Tích hợp hệ thống, dịch vụ và giải pháp phần mềm	-	-
					267.000.000.000	192.000.000.000

(i): Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT miền Nam được thành lập theo Quyết định số 408/FIS-QĐ-HDQT ngày 3/12/2009 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Hệ thống Thông tin FPT và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309513670 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 11/12/2009 với vốn điều lệ là 22.000.000.000 đồng. Tại 31/12/2009, Công ty chưa thực hiện góp vốn vào công ty con này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay ngắn hạn	297.288.777.984	-
	<u>297.288.777.984</u>	<u>-</u>

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ các ngân hàng dưới hình thức tín dụng thư. Các khoản tín dụng này có thể rút bằng đồng Việt Nam hoặc USD. Các khoản vay này không có đảm bảo và lãi suất được quy định cụ thể theo mỗi lần rút vốn. Chi tiết số dư gốc vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 tại các ngân hàng như sau:

	<u>31/12/2009</u>
	<u>VND</u>
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	157.059.050.000
Ngân hàng CitiBank	98.154.527.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	28.960.950.348
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	13.114.250.636
	<u>297.288.777.984</u>

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	22.049.146.802	7.704.180.115
Thuế xuất, nhập khẩu	2.318.195.628	186.573.486
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.162.403.725	460.794.428
Thuế thu nhập cá nhân	2.759.384.387	1.905.437.442
Thuế nhà thầu nước ngoài	155.861.496	110.321.889
	<u>40.444.992.038</u>	<u>10.367.307.360</u>

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	<u>31/12/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bảo hiểm xã hội	385.024.811	273.772.728
Kinh phí công đoàn	1.114.853.117	860.732.928
Các khoản phải trả, phải nộp khác	947.658.492	235.922.139
	<u>2.447.536.420</u>	<u>1.370.427.795</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại 01/01/2008	250.000.000.000	-	2.189.861.912	-	252.189.861.912
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	283.890.911.503	283.890.911.503
Lợi nhuận chuyển cho chủ sở hữu	-	-	-	(283.890.911.503)	(283.890.911.503)
Số dư tại 31/12/2008	250.000.000.000	-	2.189.861.912	-	252.189.861.912
Tăng vốn trong năm	100.000.000.000	-	-	-	100.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	339.864.384.554	339.864.384.554
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận (1)	-	7.860.264.436	-	(23.580.793.307)	(15.720.528.871)
Chuyển trả cho chủ sở hữu (2)	-	-	(2.189.861.912)	(182.659.095.843)	(184.848.957.755)
Chia cổ tức (3)	-	-	-	(35.000.000.000)	(35.000.000.000)
Số dư tại 31/12/2009	350.000.000.000	7.860.264.436	-	98.624.495.404	456.484.759.840

- (1) Phân phối lợi nhuận năm 2009 theo Quyết định số 04/2009/FIS/NQ-HDQT ngày 31/12/2009 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Hệ thống Thông tin FPT.
- (2) Lợi nhuận chuyển cho chủ sở hữu phản ánh phần lợi nhuận của Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 8 năm 2009 (trước ngày chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Hệ thống Thông tin FPT) chuyển trả cho chủ sở hữu là Công ty Cổ phần FPT theo Biên bản bàn giao số 2009/BBBG/FPT-FIS ngày 31/8/2009 giữa Công ty Cổ phần FPT và Công ty Cổ phần Hệ thống Thông tin FPT. Số lợi nhuận Công ty phải trả cho Công ty Cổ phần FPT trong giai đoạn này là 182.934.251.120 đồng (trong đó Công ty chuyển trả 182.659.095.843 đồng và giữ lại 275.155.277 đồng để nộp thuế cho giai đoạn từ ngày 26/8/2009 đến 31/8/2009).
- (3) Trong kỳ, Công ty tạm chia cổ tức theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 11/2009/FIS-BB-HDQT ngày 7/12/2009 với mức cổ tức trên mỗi cổ phần 1.000 đồng/1 cổ phần. Số cổ tức chính thức sẽ được thông qua tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Vốn điều lệ

	31/12/2009
Số lượng cổ phần được phép phát hành	35.000.000
Số cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ	35.000.000
Mệnh giá cổ phần	10.000 đồng

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Thông tin chi tiết về vốn góp của các cổ đông của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh			Vốn góp thực tế tại
	Số lượng cổ phần	%	VND	31/12/2009 VND
Công ty Cổ phần FPT	33.250.000	95	332.500.000.000	332.500.000.000
Các cổ đông khác	1.750.000	5	17.500.000.000	17.500.000.000
	35.000.000	100	350.000.000.000	350.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. DOANH THU

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	3.000.859.529.343	2.773.054.638.351
Doanh thu bán hàng	2.407.457.024.253	2.287.257.216.829
Doanh thu cung cấp dịch vụ	593.402.505.090	485.797.421.522
Các khoản giảm trừ	6.225.330.049	3.642.348.299
Hàng bán bị trả lại	6.225.330.049	3.642.348.299
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.994.634.199.294	2.769.412.290.052

16. GIÁ VỐN

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Giá vốn của hàng hóa	1.959.524.638.791	1.902.034.049.193
Giá vốn của dịch vụ	342.669.096.770	290.829.043.625
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	168.280.611	112.368.782
Giá vốn thuần	2.302.362.016.172	2.192.975.461.600

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.325.007.594	795.328.368
Lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ	22.149.326.432	15.270.424.204
Doanh thu hoạt động tài chính	25.474.334.026	16.065.752.572

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí lãi vay	3.781.200.392	20.324.874.834
Lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ	38.088.144.967	42.909.869.724
Chi phí hoạt động tài chính khác	-	1.865.872
Chi phí tài chính	41.869.345.359	63.236.610.430

19. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	1.132.354.740	591.204.320
Tiền thưởng và hoa hồng	17.881.825.883	26.228.985.751
Thu nhập khác	3.168.034.926	5.405.789.719
Thu nhập khác	22.182.215.549	32.225.979.790

CÔNG TY CỔ PHẦN HỆ THỐNG THÔNG TIN FPT101 Láng Hạ, quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lỗ do thanh lý tài sản cố định	963.137.601	1.772.094.127
Trả tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng	3.342.951.678	785.418.846
Chi phí khác	2.469.764.752	398.935.927
	6.775.854.031	2.956.448.900

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lợi nhuận trước thuế	414.791.562.271	320.679.573.586
Thuế theo thuế suất thuế TNDN quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các quy định thuế hiện hành	87.186.538.244	72.826.994.043
Ảnh hưởng của chi phí không được khấu trừ thuế	838.129.586	750.331.123
Ảnh hưởng của thu nhập không chịu thuế và ưu đãi thuế	(13.097.490.113)	(36.788.662.083)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	74.927.177.717	36.788.662.083
<i>Trong đó:</i>		
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp tại Công ty Cổ phần FPT	60.781.561.191	36.788.662.083
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp tại Công ty	14.145.616.526	-

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

		Từ 01/09/2009 đến 31/12/2009
Lợi nhuận sau thuế năm 2009	VND	339.864.384.554
Trừ lợi nhuận sau thuế cho giai đoạn từ ngày 1/1/2009 đến 31/8/2009 của Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT đã chuyển trả cho chủ sở là Công ty Cổ phần FPT khi cổ phần hóa	VND	(182.934.251.120)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ hoạt động từ ngày 1/9/2009 đến 31/12/2009	VND	156.930.133.434
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	Cổ phần	35.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu trong kỳ	VND/Cổ phần	4.484

Do Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Hệ thống Thông tin FPT kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2009, theo đó lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu là Lợi nhuận sau thuế của công ty cổ phần phát sinh trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 9 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan sau:

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần FPT	263.001.250.832	335.594.502.378
Công ty Cổ phần Phần mềm FPT	20.856.552.133	1.864.343.936
Công ty TNHH Phân phối FPT	3.015.421.522	4.397.107.549
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	67.554.647.966	28.159.008.958
Mua hàng		
Công ty Cổ phần FPT	269.732.749.953	1.276.959.002.505
Công ty Cổ phần Phần mềm FPT	16.782.680.976	2.752.622.926
Công ty TNHH Phân phối FPT	147.237.866.834	189.745.879.032
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	1.829.370.327	1.091.591.647
Kết chuyển lợi nhuận		
Công ty Cổ phần FPT	182.659.095.843	283.324.874.834
Nhận lãi vay phân bổ		
Công ty Cổ phần FPT	(2.586.629.643)	20.324.874.834

Sổ dư với các bên liên quan như sau:

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Phải thu		
Công ty Cổ phần FPT	285.500.550	69.776.805
Công ty Cổ phần Phần mềm FPT	4.314.132.801	1.149.176.489
Công ty TNHH Phân phối FPT	426.775.650	-
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	2.597.883.503	865.225.921
Các công ty con khác của Công ty Cổ phần FPT	202.729.300	-
Cộng	7.827.021.804	2.084.179.215
Phải trả		
Công ty Cổ phần FPT	190.170.431.338	465.578.700.214
Công ty Cổ phần Phần mềm FPT	2.931.752.514	22.682.062
Công ty TNHH Phân phối FPT	13.018.239.484	-
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	323.367.000	-
Các công ty con khác của Công ty Cổ phần FPT	9.008.079.176	1.123.798.242
Cộng	215.451.869.512	466.725.180.518

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Trong năm, Công ty phát sinh các khoản thuê hoạt động là tiền thuê văn phòng. Các khoản thuê này được cam kết thanh toán theo lịch biểu sau

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Trong vòng một năm	14.662.762.097	23.939.294.036
Từ hai đến năm năm	8.939.859.879	9.368.054.000
Sau năm năm	-	-
	23.602.621.976	33.307.348.036

25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Là báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập khác. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này như sau:

Mã số	31/12/2008 (Số đã trình bày trên báo cáo năm 2008) VND	31/12/2008 (Số trình bày lại trên báo cáo năm 2009) VND
Phải thu dài hạn khác	218 230.417.486	-
Tài sản dài hạn khác	268 -	230.417.486
Các khoản phải trả phải nộp khác	319 5.295.227.711	1.370.427.795
Doanh thu chưa thực hiện	338 -	3.924.799.916

Chỉ tiêu "Quỹ khen thưởng phúc lợi" được trình bày tại mục "Nguồn kinh phí và quỹ khác" với mã số 431 trên báo cáo tài chính năm 2008 được phân loại và trình bày lại tại mục "Nợ ngắn hạn" với mã số 323 trên báo cáo tài chính năm 2009.

26. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 02 tháng 3 năm 2010



Đỗ Cao Bảo
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
kiểm Tổng Giám đốc

Ngày 02 tháng 3 năm 2010

Đỗ Sơn Giang
Kế toán trưởng

Văn phòng TP. Hồ Chí Minh
Lầu 11, Trung tâm Thương mại Sài Gòn
37 Tôn Đức Thắng, Quận 1
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: +84-8 3910 0751
Fax: +84-8 3910 0750

Văn phòng Hà Nội
8-Phạm Ngọc Thạch
Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84-4 3852 4123
Fax: +84-4 3852 4143